Số: 10972/STC-QLNS
Thời gian ký: 2026-09-22T17:22:00+07:00

**Phụ lục II**

# DANH MỤC CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) GIỮA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

*(Kèm theo Tờ trình số /2026/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

| STT | Các khoản thu (kể cả tiền chậm nộp theo quy định Luật quản lý thuế) | Tỷ lệ phần trăm (%) | |
|---|---|---|---|
| | | Cấp Trung ương | Cấp Thành phố |
| *a* | *b* | *1* | *2* |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) thuộc phần ngân sách địa phương được hưởng theo Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 được quy đổi tỷ lệ 100% | | 65,5 |
| | *Trong đó, tỷ lệ phân chia cho từng phường, xã:* | | |
| 1.1 | Phường Ninh Kiều | | |
| 1.2 | Phường Tân An | | |
| 1.3 | 04 phường: Cái Răng, Phú Lợi, Cái Khế, Bình Thủy | | |
| 1.4 | 02 phường: Hưng Phú, An Bình | | |
| 1.5 | 95 phường, xã còn lại | | |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí và thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong hoạt động dầu, khí), trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu | | |
| 2.1 | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. | 20 | 80 |
| 2.2 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | | |
| 2.2.1 | Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu | *20* | *80* |
| 2.2.2 | Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu | | |
| | *- Các phường: Ninh Kiều, Tân An, Cái Răng* | *20* | *10* |